

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2023/HNGĐ-ST

Ngày 11 tháng 8 năm 2023

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Tuấn Vương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Len và bà Hoàng Thị Thu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tiến Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 70/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình. Hiện đang cư trú và làm việc tại Đài Loan. (Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quang V, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình. (Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và Đơn đề nghị ngày 12/4/2023, nguyên đơn - Chị Nguyễn Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Quang V kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 16/11/2000 tại Ủy ban nhân dân xã Thái Sơn (nay là xã Sơn Hà), huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hòa hợp. Đến tháng 4/2019, chị qua Đài Loan sinh sống và làm việc, còn anh V vẫn ở lại Việt Nam. Thời gian sống xa nhau dẫn đến nhiều mâu thuẫn, khoảng cách địa lý không thể trực tiếp chăm lo cho nhau, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh chị không tìm được biện pháp gì để hàn gắn nứu kéo cuộc sống chung và đều thống nhất ly hôn để giải thoát cho nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng

không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh V để anh chị sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 20/10/2000 và Nguyễn Quang G, sinh ngày 21/9/2007. Anh chị đã thỏa thuận chị chăm sóc, nuôi dưỡng cháu G và tự thỏa thuận về mức cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu H đã trưởng thành và chăm lo được bản thân nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản gì chung, không nợ chung và không cho ai vay nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Bản tự khai đề ngày 06/7/2023, bị đơn - anh Nguyễn Quang V trình bày:*

Về thời gian, quá trình kết hôn, chung sống, mâu thuẫn và con chung như chị D trình bày là đúng. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân chỉ là trên danh nghĩa, chị D xin ly hôn, anh đồng ý. Về con chung, hiện cháu Nguyễn Thị H đã trưởng thành, có gia đình riêng, không cần bố mẹ chăm sóc; chị D thường xuyên về Việt Nam nên anh đồng ý nhường quyền nuôi cháu Nguyễn Quang G cho chị D. Anh chị tự thỏa thuận về mức cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản, vay nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Quang V và Chị Nguyễn Thị D đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã S, huyện T, tỉnh Thái Bình; chị D đang cư trú, lao động ở Đài Loan nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình. Anh V và chị D đều đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh V và chị D theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh V và chị D tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thái Sơn (nay là xã Sơn Hà), là hôn nhân hợp pháp. Anh chị đều xác nhận cuộc sống hôn nhân của anh chị có xảy ra mâu thuẫn từ năm 2019, nguyên nhân do khoảng cách địa lý không thể trực tiếp

chăm lo cho nhau, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được biện pháp gì để hàn gắn nứu kéo cuộc sống chung. Khi chị D xin ly hôn, anh V cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận cho chị D ly hôn anh V là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 20/10/2000 và Nguyễn Quang G, sinh ngày 21/9/2007. Anh chị đã thỏa thuận chị chăm sóc, nuôi dưỡng cháu G và tự thỏa thuận về mức cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu H đã trưởng thành và chăm lo được bản thân nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét đề nghị của anh V, chị D là tự nguyện và hợp pháp, bảo đảm các quyền, lợi ích và phù hợp với nguyện vọng của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh V và chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết về tài sản.

[2.4] Về án phí: Chị D phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 37, Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 147, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Nguyễn Quang V.

2. Về con chung: Giao cho Chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Quang G, sinh ngày 21/9/2007. Anh chị đã tự thỏa thuận về mức cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết về cấp dưỡng. Anh Nguyễn Quang V có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định.

Cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 20/10/2000 đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị D đã nộp tại biên lai số 0005691 ngày 06/7/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình, chị D đã chấp hành xong nghĩa vụ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Quang V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- UBND xã Sơn Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS tỉnh Thái Bình;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Tuấn Vương